

Bản án số: 32/2018/HS-PT

Ngày: 26/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Liêm.

Các thẩm phán: Ông Cà Văn Păng.

Bà Phạm Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Công, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018. Do bị cáo Phạm thị T kháng cáo Bản án số 79/2018/HSST, Ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành Phố Điện Biên Phủ.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị T** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 01/3/1964 tại Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số nhà n1, tổ dân phố n2, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 07/10 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Ngọc Đ1 (Đã chết) và bà: Điều Thị N. (Đã chết); Chồng: Lò Chí T2, bỏ nhà đi từ năm 1995 đến nay không xác định được nơi cư trú; Bị cáo có 02 con: Con lớn nhất sinh năm: 1982 (Đã chết), 01 con nhỏ nhất sinh năm: 1984; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/5/2018, sau đó bị tạm giam đến ngày 07/6/2018. Ngày 08/6/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại theo quyết định áp dụng biện pháp bảo lãnh số 03/2018/HSST- QĐ ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lò Ngọc D - Sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà n1, tổ dân phố n2, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 45 phút, ngày 13/5/2018, tổ công tác đội cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đ làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ đã phát hiện lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm pháp, quả tang đối với Phạm Thị T cất giấu trong túi vải màu nâu đang đeo trên người 01 gói nilon màu trắng trong suốt, bên trong có 02 gói được gói bằng mảnh nilon màu trắng, bên trong chứa các cục chất bột thể rắn màu trắng đục. T khai nhận đó là Heroine cất giấu mục đích để sử dụng. Cơ quan Điều tra đã tạm giữ số vật chứng nêu trên và túi vải màu nâu. Phạm Thị T khai nhận nguồn gốc số Heroine bị thu giữ, T mua của một người đàn ông không biết tên có địa chỉ ở bản P, xã L, huyện Đ2 với giá 150.000 đồng vào chiều ngày 12/5/2018. T đem về nhà lấy một ít ra sử dụng, số còn lại T chia ra làm 02 gói nhỏ rồi gói lại thành 01 gói, mang theo người để sử dụng thì bị phát hiện.

Quá trình Điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 13/5/2018 xác định khối lượng vật chứng ghi Heroine gói thứ nhất (T1) có khối lượng là 0,35 gam. Gói thứ 2 (T2) có khối lượng 0,08 gam. Tiến hành niêm phong vật chứng và gửi toàn bộ vật chứng đến phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên để giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 471/GĐ-PC54 ngày 18/5/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 02 mẫu chất bột màu trắng đục trong vụ án Phạm Thị T, gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,43 gam đã niêm phong, hoàn lại 0,37 gam Heroine còn lại sau giám định cho cơ quan cảnh sát Điều tra thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Về vật chứng của vụ án gồm: 0,37 gam Heroine còn lại sau giám định 03 mảnh nilon và 01 túi vải màu nâu là phương tiện T dùng vào việc phạm tội.

Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đ đã chuyển vật chứng của vụ án sang cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận Ngày 30/7/2018.

Cáo trạng số: 38/CT-VKSTPĐBP ngày 02/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS; Điểm s, t, v khoản 1, Điều 51/BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Thị T với mức hình phạt từ **12 đến 18 tháng tù** về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 0,37 gam Heroine còn lại sau giám định; 03 mảnh nilon và 01 túi vải màu nâu.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Thị T: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vì các lẽ trên *Bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2018/HSST*, Ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định:

[1] **Tuyên** bị cáo Phạm Thị T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

[2] **Về hình phạt:** Áp dụng tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS; điểm s, t, v khoản 1, Điều 51/BLHS, Xử phạt bị cáo Phạm Thị T **12 (Mười hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 26 ngày (*từ ngày 13/5/2018 đến ngày 07/6/2018*). Bị cáo còn phải thi hành 11 tháng 04 ngày tù.

[3] **Về vật chứng vụ án:** Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 0,37 gam Heroine còn lại sau giám định; 03 mảnh nilon và 01 túi vải màu nâu là vật chứng của vụ án.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/7/2018 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên*).

[4] **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, 333/BLTTHS năm 2015 bị cáo Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/9/2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản.

Ngày 28/9/2018 bị cáo Phạm thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, v khoản 1 điều 51/BLHS. Bị cáo sức khỏe yếu, do bị bệnh lao hạch phải khám và điều trị.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng vì bị cáo bị mắc bệnh lao hạch tuy đã được điều trị từ năm 2013 và mô khối u ở phổi, nhưng thường xuyên bị đau, khó thở nên bị cáo đã dùng ma túy để giảm đau từ tháng 01/2018 đến khi bị bắt.

Bị cáo khai tại phiên tòa phúc thẩm về chồng của bị cáo Lò Chí T2, tại bản khai lý lịch của hồ sơ chồng của bị cáo là Lò Chí T2 đã chết, nhưng Lò chí T2 đã bỏ trốn trong một vụ án từ năm 1995 đến nay, bị cáo không có thông tin về Lò Chí T2 và cũng không có tài liệu chứng tử của Lò Chí T2.

Kiểm sát viên tại phiên tòa kết luận: Ngày 28/9/2018 bị cáo Phạm thị T kháng cáo bản án sơ thẩm số 79/2018/HSST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ là đúng người có quyền kháng cáo và trong hạn kháng cáo. Cấp phúc thẩm thụ lý xét xử phúc thẩm đúng thẩm quyền quy định tố tụng hình sự. Trong quá trình chuẩn bị xem xét và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng tố tụng, đảm bảo các quyền của bị cáo theo Tố tụng. Về nội dung kháng cáo bị cáo T bị bắt quả tang khi đang đem theo 0,43 gam Heroine. Tại phiên Tòa sơ thẩm và tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo đều khai nhận tội như tài liệu hồ sơ thể hiện. Cấp sơ thẩm kết tội bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS; điểm s, t, v khoản 1, Điều 51/BLHS, Xử phạt bị cáo Phạm Thị T **12 (Mười hai) tháng tù** là đúng người, đúng tội, áp dụng hình phạt trong khung Điều luật quy định tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng. Tại phiên Tòa phúc thẩm không có tình tiết nào mới đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo. Về lý lịch tư pháp của bị cáo Tân khai có chồng là Lò Chí T2 đã chết nhưng tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo khai Lò chí T2 đã bỏ trốn trong một vụ án từ năm 1995 hiện nay bị cáo không có thông tin về Lò Chí T2 và cũng không có tài liệu chứng tử của Lò Chí T2. Tại bản án số 117/HSST ngày 30/5/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu (Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên hiện nay) đối với bị cáo Phạm Thị T thì Lò Chí T2 đang trốn trại đang bị truy nã. Để đảm bảo lý lịch tư pháp của bị cáo phù hợp với thực tế đề nghị Hội đồng xét xử sửa lý lịch tư pháp của bị cáo đã ghi trong bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bị cáo bị bắt quả tang có hành vi tàng trữ 0,43 gam ma túy (*Heroine*). Tội phạm quy định tại khoản 1 điều 249/BLHS, căn cứ vào khoản 1 Điều 268/BLTTHS Tòa án nhân dân thành phố Đ thụ lý xét xử sơ thẩm đúng thẩm quyền. Thực hiện tranh tụng tại phiên Tòa, tổng đạt bản án đúng quy định Tố tụng.

[2] Ngày 28/9/2018 bị cáo Phạm thị T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 79/2018/HSST, Ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ là đúng người có quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 331,

333/BLTTHS thuộc thẩm quyền xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên theo quy định tại Điều 344/BLTTHS.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

Bản án sơ thẩm áp dụng tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS; Điểm s, t, v khoản 1 Điều 51/BLHS, Xử phạt bị cáo Phạm Thị T **12 (Mười hai) tháng tù**, bị cáo kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, tại khoản 1 Điều 249/BLHS quy định người nào tàng trữ trái phép chất ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm..

“...c, Hêrôin, Coocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam)”.

Bị cáo phạm tội với số lượng ma túy 0,43gam. Bị phạt **12 (Mười hai) tháng tù** là hình phạt thấp nhất của khung hình phạt về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* quy định tại Điều 249/BLHS.

Bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, v khoản 1 Điều 51/BLHS. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52/BLHS. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khi xem xét áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên Tòa phúc thẩm xét thấy trong quá trình Điều tra, truy tố xét xử bị cáo được bảo lãnh tại ngoại và luôn chấp hành đúng quy định, đồng thời có sự hợp tác giúp cơ quan Điều tra trong khai báo, phát hiện tội phạm, hành vi trên thể hiện sự ăn năn của bị cáo. Căn cứ vào điều 54/BLHS, bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249/BLHS. Vì vậy chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét nội dung của bản án liên quan đến nội dung kháng cáo thấy:

Lý lịch tư pháp của bị cáo trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo có chồng là Lò Chí T2 đã chết. Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2018/HSST, Ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ chấp nhận và ghi nhận bị cáo có chồng Lò Chí T2 đã chết. Tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo khai chồng bị cáo đúng là lò Chí T2 do có liên quan đến hành vi, vi phạm pháp luật đã bỏ nhà đi từ năm 1995. Hiện tại bị cáo không biết Lò Chí T2 đang sinh sống ở đâu hay đã chết, nên trong khi khai lý lịch hồ sơ vụ án trước cơ quan Điều tra bị cáo khai Lò Chí T2 đã chết. Tại phiên Tòa phúc thẩm kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào thực tế lời khai của bị cáo và tài liệu của hồ sơ sửa bản án sơ thẩm về nội dung này trong lý lịch tư pháp của bị cáo.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo và bản án số 117/HSST ngày 30/5/2003 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lai Châu (*Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên hiện nay*) đối với bị cáo Phạm Thị T thấy bị cáo có chồng là Lò Chí T2 đang trốn trại và đang bị truy nã, hiện nay không xác định được nơi cư trú, không có giấy xác định chồng của bị cáo là Lò Chí T2 đã chết. Căn cứ vào hiệu lực của bản án số 117/HSST ngày 30/5/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu (*Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên hiện nay*)

nay) đối với bị cáo Phạm Thị T và Điều 357/BLTTHS cần sửa bản án sơ thẩm xác định chồng của bị cáo là Lò Chí T2 hiện nay không xác định được nơi cư trú.

Từ sự phân tích trên căn cứ vào các Điều 355, 357/BLTTHS chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T được chấp nhận, căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên hội đồng xét xử quyết định.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 355, 357/BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T và sửa bản án hình sự sơ thẩm số án số 79/2018/HSST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ như sau:

[1] **Tuyên:** Bị cáo Phạm Thị T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

[2] **Về hình phạt:** Áp dụng tại điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s, t, v khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54/BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Thị T **09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là **27 ngày (Từ ngày 13/5/2018 đến ngày 07/6/2018)**. Bị cáo còn phải thi hành 08 tháng 03 ngày tù.

[3] **Về vật chứng vụ án:** Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy 0,37 gam Heroine còn lại sau giám định; 03 mảnh nilon và 01 túi vải màu nâu là vật chứng của vụ án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/7/2018 giữa Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên).

[4] **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm công khai có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2018)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thành phố Đ;
- TANDTC;
- TAND thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Công an thành phố Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- NTG.CA thành phố Đ;
- CC THADS thành phố Đ
- Lưu hồ sơ,

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ.**

Quàng Văn Liêm